

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010



**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3 - 4
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - CTCK)	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - CTCK)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - CTCK)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - CTCK)	9 - 27

## CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh** Số 4104000006/GP-UB ngày 30 tháng 6 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép thành lập và hoạt động** Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/ GPĐKD ngày 29 tháng 6 năm 2000 và giấy phép điều chỉnh số 271/UBCK-GP ngày 4 tháng 11 năm 2009 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

#### Vốn điều lệ

Vốn điều lệ là 1.500.000.000.000 đồng Việt Nam (Một ngàn năm trăm tỷ đồng Việt Nam) theo Giấy phép điều chỉnh số 271/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 11 năm 2009.

#### Hội đồng Thành viên

Ông Lê Vũ Kỳ	Chủ tịch
Ông Trịnh Kim Quang	Thành viên
Ông Đỗ Minh Toàn	Thành viên
Ông Trần Hùng Huy	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Chung	Quyền Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Phương Dung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Thành	Quyền Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2010)

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Lê Vũ Kỳ	Chủ tịch Hội đồng Thành viên
--------------	------------------------------

#### Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty TNHH Chứng Khoán ACB ("Công ty") là tự doanh chứng khoán; môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.

<b>Trụ sở chính</b>	107N Trương Định, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
---------------------	---

<b>Kiểm toán viên</b>	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
-----------------------	--

## CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 27. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *Nguyễn Ngọc Chung*



Thừa ủy nhiệm Chủ tịch Hội đồng Thành viên  
Nguyễn Ngọc Chung  
Quyền Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2011

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty TNHH Chứng Khoán ACB ("Công ty") được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2011. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 27.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Richard Peters  
Số chứng chỉ KTV: N.0561/KTV  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HCM2763  
Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Hoàng Nam  
Số chứng chỉ KTV: 0849/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2010 VNĐ	2009 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.134.958.448.130</b>	<b>1.775.878.931.480</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>118.843.484.831</b>	<b>997.785.874.130</b>
111	Tiền		118.843.484.831	99.426.264.880
112	Các khoản tương đương tiền		-	898.359.609.250
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4(a)	<b>978.354.956.508</b>	<b>638.873.396.981</b>
121	Đầu tư ngắn hạn		1.024.401.409.670	739.125.572.801
	Đầu tư ngắn hạn khác		143.548.682.500	-
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(189.595.135.662)	(100.252.175.820)
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.036.648.295.687</b>	<b>138.298.153.014</b>
131	Phải thu khách hàng		1.000.000	-
132	Trả trước cho người bán		285.407.841	2.096.323.060
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	5	556.421.500.584	36.373.202.084
138	Các khoản phải thu khác	6	480.180.067.262	100.068.307.870
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(239.680.000)	(239.680.000)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.111.711.104</b>	<b>921.507.355</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		993.921.908	828.887.355
152	Thuế GTGT được khấu trừ		59.943.571	-
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		17.845.625	-
158	Tài sản ngắn hạn khác	7	40.000.000	92.620.000
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.221.710.875.880</b>	<b>793.113.202.614</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	8	<b>46.577.878.000</b>	<b>105.781.914.500</b>
218	Phải thu dài hạn khác		46.577.878.000	105.781.914.500
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>68.993.614.812</b>	<b>72.857.426.927</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	67.012.462.877	72.475.881.536
222	Nguyên giá		95.504.187.216	91.179.410.098
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(28.491.724.339)	(18.703.528.562)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	1.981.151.935	381.545.391
228	Nguyên giá		2.423.827.984	504.519.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(442.676.049)	(122.973.609)
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	4(b)	<b>2.088.015.184.699</b>	<b>595.377.965.649</b>
251	Đầu tư vào công ty con		50.000.000.000	50.000.000.000
253	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
254	Đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán		4.221.960.000	109.550.610.274
258	Đầu tư dài hạn khác		2.066.989.197.022	456.827.355.375
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(33.195.972.323)	(21.000.000.000)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>18.124.198.369</b>	<b>19.095.895.538</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	3.294.728.654	5.546.986.339
262	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	11	5.250.000.000	5.250.000.000
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		8.334.305.315	6.334.305.315
268	Tài sản dài hạn khác	12	1.245.164.400	1.964.603.884
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>4.356.669.324.010</b>	<b>2.568.992.134.094</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2010 VNĐ	2009 VNĐ
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.732.353.226.110</b>	<b>669.557.161.903</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>532.086.165.950</b>	<b>669.366.626.383</b>
311	Vay ngắn hạn	13(a)	-	500.000.000.000
312	Phải trả người bán		97.287.697	90.233.697
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	19.251.012.644	33.413.736.399
315	Phải trả người lao động		4.932.822.902	6.149.615.750
316	Chi phí phải trả	15	29.982.973.322	43.131.016.796
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		130.754.706.055	81.935.307.520
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		7.713.801.508	2.592.191.621
328	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	339.353.561.822	2.054.524.600
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>2.200.267.060.160</b>	<b>190.535.520</b>
334	Vay và nợ dài hạn	13(b)	2.200.000.000.000	-
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		267.060.160	190.535.520
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.624.316.097.900</b>	<b>1.899.434.972.191</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>1.624.316.097.900</b>	<b>1.899.434.972.191</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
417	Quỹ đầu tư phát triển		51.778.855.002	50.726.788.438
418	Quỹ dự phòng tài chính		72.401.255.884	71.349.189.320
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		135.987.014	277.358.994.433
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.356.669.324.010</b>	<b>2.568.992.134.094</b>



Hứa Chí Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Chung  
Quyền Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2010 VNĐ	2009 VNĐ
<b>1</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>498.614.767.911</b>	<b>516.651.211.151</b>
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	96.745.008.013	128.400.413.052
1.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	18 319.287.029.471	313.183.977.797
1.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	4.461.920.623	2.194.146.992
1.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán	893.773.095	2.509.937.546
1.9	Doanh thu khác	19 77.227.036.709	70.362.735.764
<b>2</b>	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(438.198.511)</b>	<b>( 173.437.965)</b>
<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>498.176.569.400</b>	<b>516.477.773.186</b>
<b>11</b>	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>20 (436.415.803.750)</b>	<b>(135.417.133.707)</b>
<b>20</b>	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>61.760.765.650</b>	<b>381.060.639.479</b>
<b>25</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>21 (36.229.334.274)</b>	<b>(36.528.255.465)</b>
<b>30</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>25.531.431.376</b>	<b>344.532.384.014</b>
31	Thu nhập khác	129.016.864	230.628.679
32	Chi phí khác	(2.448.149.024)	(394.800.489)
<b>40</b>	<b>Chi phí khác – số thuần</b>	<b>22 (2.319.132.160)</b>	<b>(164.171.810)</b>
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>23.212.299.216</b>	<b>344.368.212.204</b>
<b>51</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>23 (945.724.346)</b>	<b>(32.466.584.340)</b>
<b>52</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>5.250.000.000</b>
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>22.266.574.870</b>	<b>317.151.627.864</b>



Hứa Chí Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Chung  
Quyền Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2010 VNĐ	2009 VNĐ
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	Lợi nhuận trước thuế	23.212.299.216	344.368.212.204
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	10.288.383.429	9.397.502.171
03	Các khoản dự phòng	101.538.932.165	(22.349.494.578)
	Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	29.885.924	34.000.000
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(167.944.934.212)	(278.684.000.000)
	Thu nhập lãi từ hợp đồng "reverse" repo	(16.067.875.605)	(35.698.643.036)
06	Chi phí lãi vay	173.486.179.610	43.879.565.752
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	124.542.870.527	60.947.142.513
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(734.696.810.688)	354.078.686.512
	Tăng chứng khoán kinh doanh	(428.824.519.369)	(369.094.800.000)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	386.164.070.364	(661.368.868.243)
12	Giảm các chi phí trả trước	2.087.223.132	1.794.126.306
13	Tiền lãi vay đã trả	(183.502.777.779)	(44.000.000.000)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(33.098.343.465)	(26.691.119.946)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	1.347.776.116
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.146.250.000)	(28.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(869.474.537.278)	(683.015.056.742)
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(6.456.981.290)	(62.840.258.700)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	2.524.052	251.000.000
25	Tiền chi vào các khoản đầu tư dài hạn	(1.541.389.391.373)	(183.393.965.649)
26	Tiền thu từ bán chứng khoán dài hạn	38.623.200.000	772.642.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	78.337.034.620	131.106.155.221
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.430.883.613.991)	657.764.930.872
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
31	Nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	500.000.000.000
33	Tiền thu từ phát hành trái phiếu	3.200.000.000.000	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.500.000.000.000)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho Ngân hàng mẹ	(278.584.238.030)	(501.510.000.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	1.421.415.761.970	(1.510.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(878.942.389.299)	(26.760.125.870)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3 997.785.874.130	1.024.546.000.000
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3 118.843.484.831	997.785.874.130

Hứa Chí Hùng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Chung  
Quyền Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2011



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty TNHH Chứng Khoán ACB được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/GPHĐKD cấp ngày 29 tháng 6 năm 2000 và giấy phép sửa đổi số 271/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 11 năm 2009. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000006/GP-UB ngày 30 tháng 6 năm 2000. Công ty là một công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu, một ngân hàng cổ phần thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 300 nhân viên (2009: 203 nhân viên).

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.6 Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư ngắn hạn**

*Đầu tư chứng khoán ngắn hạn*

Các khoản đầu tư ngắn hạn ("chứng khoán kinh doanh") ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán ("giá gốc"). Sau đó, các khoản đầu tư ngắn hạn này được ghi nhận theo giá vốn trừ đi các khoản dự phòng. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**(b) Đầu tư dài hạn**

*Chứng khoán sẵn sàng để bán*

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán sẵn sàng để bán này.

Lãi hoặc lỗ từ bán chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán sẵn sàng để bán đã bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn*

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập khi có bằng chứng của sự suy giảm giá trị trong thời gian dài của các chứng khoán này hoặc trong trường hợp Công ty không thể thu hồi các khoản đầu tư này.

Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ chứng khoán nợ này được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

*Đầu tư dài hạn khác*

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỉ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Công ty là cổ đông sáng lập, hoặc đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định của chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành. Các khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.7 Cam kết mua và bán**

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại ("repo") không phải ghi giảm các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tài chính. Khoản tiền nhận được khi bán chứng khoán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được ghi nhận như chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại ("reverse repo") không được ghi tăng các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Số tiền trả cho các thỏa thuận reverse repo được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại được ghi nhận như thu nhập chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa	25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị quản lý	3 năm
Tài sản cố định khác	3 - 4 năm
Phần mềm vi tính	3 năm

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.9 Chi phí đi vay**

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Chi phí vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.10 Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư*

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

*Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn*

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

*Doanh thu về vốn kinh doanh*

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

**2.11 Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.12 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả ngân hàng mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.13 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.14 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho Công ty. Công ty đang trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo mức 2% tổng quỹ tiền lương theo hướng dẫn của Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31.12.2010</b>	<b>31.12.2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tiền gửi ngân hàng	52.991.267.831	22.098.482.557
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	65.852.217.000	77.327.782.323
Các khoản tương đương tiền	-	898.359.609.250
	<hr/>	<hr/>
	<b>118.843.484.831</b>	<b>997.785.874.130</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Giá trị sổ sách VNĐ	31.12.2010		Giá trị thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
		So với giá thị trường			
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
<b>(a) Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>1.167.950.092.170</b>	<b>97.079.497.804</b>	<b>(189.595.135.662)</b>	<b>1.075.434.454.312</b>	<b>(189.595.135.662)</b>
- Chứng khoán vốn niêm yết (*)	890.777.086.061	539.921.747	(187.393.727.330)	703.923.280.478	(187.393.727.330)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	128.650.723.609	96.025.019.324	(2.201.408.332)	222.474.334.601	(2.201.408.332)
- Trái phiếu	4.973.600.000	514.556.733	-	5.488.156.733	-
- Đầu tư ngắn hạn khác (***)	143.548.682.500	-	-	143.548.682.500	-
<b>(b) Đầu tư dài hạn</b>	<b>2.121.211.157.022</b>	<b>-</b>	<b>(33.195.972.323)</b>	<b>2.088.015.184.699</b>	<b>(33.195.972.323)</b>
- Đầu tư vào công ty con	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán					
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	4.221.960.000	-	-	4.221.960.000	-
- Đầu tư dài hạn khác					
+ Chứng khoán vốn niêm yết	1.293.590.371.646	-	-	1.293.590.371.646	-
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết	773.398.825.376	-	(33.195.972.323)	740.202.853.053	(33.195.972.323)
	<b>3.289.161.249.192</b>	<b>97.079.497.804</b>	<b>(222.791.107.985)</b>	<b>3.163.449.639.011</b>	<b>(222.791.107.985)</b>

	Giá trị sổ sách VNĐ	31.12.2009		Giá trị thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
		So với giá thị trường			
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
<b>(a) Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>739.125.572.801</b>	<b>112.578.772.440</b>	<b>(100.252.175.820)</b>	<b>751.452.169.421</b>	<b>(100.252.175.820)</b>
- Chứng khoán vốn niêm yết (*)	628.767.717.149	6.882.772.440	(98.069.290.168)	537.581.199.421	(98.069.290.168)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	110.357.855.652	105.696.000.000	(2.182.885.652)	213.870.970.000	(2.182.885.652)
<b>(b) Đầu tư dài hạn</b>	<b>616.377.965.649</b>	<b>66.231.329.726</b>	<b>(21.000.000.000)</b>	<b>661.609.295.375</b>	<b>(21.000.000.000)</b>
- Đầu tư vào công ty con	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán					
+ Chứng khoán vốn niêm yết (*)	105.328.650.274	58.209.605.726	-	163.538.256.000	-
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	4.221.960.000	8.021.724.000	-	12.243.684.000	-
- Đầu tư dài hạn khác					
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết	456.827.355.375	-	(21.000.000.000)	435.827.355.375	(21.000.000.000)
	<b>1.355.503.538.450</b>	<b>178.810.102.166</b>	<b>(121.252.175.820)</b>	<b>1.413.061.464.796</b>	<b>(121.252.175.820)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(\*) Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(\*\*) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết và trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân của các chứng khoán này do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín và Công ty Chứng khoán Phú Hưng cung cấp.

(\*\*\*) Đầu tư ngắn hạn khác thể hiện quyền mua cổ phiếu của một ngân hàng trong nước đã được Công ty thực hiện.

**5 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	<b>31.12.2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2009</b> <b>VNĐ</b>
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư	555.497.064.800	34.924.092.070
Phí giao dịch chứng khoán phải thu khách hàng	924.435.784	1.449.110.014
	<u>556.421.500.584</u>	<u>36.373.202.084</u>

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31.12.2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2009</b> <b>VNĐ</b>
Phải thu từ hợp đồng "reverse repo" ngắn hạn (*)	79.415.000.000	84.916.900.000
Lãi dự thu từ hợp đồng "reserve repo" ngắn hạn	35.062.857.000	12.988.608.153
Phải thu cổ tức	105.960.884.976	167.322.126
Phải thu đặt cọc đấu giá	3.244.519.000	318.713.110
Các khoản phải thu khác (**)	256.496.806.286	1.676.764.481
	<u>480.180.067.262</u>	<u>100.068.307.870</u>

(\*) Đây là tổng số tiền Công ty trả cho khách hàng cho các hợp đồng "reverse repo" sẽ đáo hạn trong năm 2011. Lãi suất trung bình được áp dụng cho những hợp đồng này trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 0,9%/tháng.

(\*\*) Đây là số tiền Công ty ứng trước cho các bên thứ ba cho mục đích kinh doanh chứng khoán. Công ty được hưởng lãi suất cố định cho số tiền đã ứng trước với lãi suất bình quân dao động từ 14,4%/năm đến 19%/năm trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**7 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31.12.2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2009</b> <b>VNĐ</b>
Các khoản ứng trước	-	52.620.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40.000.000	40.000.000
	<u>40.000.000</u>	<u>92.620.000</u>

**8 PHẢI THU DÀI HẠN**

	<b>31.12.2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2009</b> <b>VNĐ</b>
Phải thu từ hợp đồng "reverse repo" dài hạn (*)	44.470.000.000	79.415.000.000
Lãi dự thu từ hợp đồng "reserve repo" dài hạn	2.107.878.000	26.366.914.500
	<u>46.577.878.000</u>	<u>105.781.914.500</u>

(\*) Đây là tổng số tiền Công ty trả cho khách hàng cho các hợp đồng "reverse repo" có thời hạn trên 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất áp dụng cho những hợp đồng này trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 0,9%/tháng. Các hợp đồng này sẽ đáo hạn trong năm 2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**
**9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH****(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	62.837.521.895	20.373.819.377	5.988.089.009	342.683.014	1.637.296.803	91.179.410.098
Mua trong năm	-	-	-	4.417.085.763	120.586.543	4.537.672.306
Phân loại lại	(616.000.000)	-	-	-	616.000.000	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(212.895.188)	-	-	-	(212.895.188)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	62.221.521.895	20.160.924.189	5.988.089.009	4.759.768.777	2.373.883.346	95.504.187.216
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	3.801.212.248	11.371.027.982	2.672.463.757	81.538.064	777.286.511	18.703.528.562
Khấu hao trong năm	2.511.447.539	5.195.131.354	941.077.423	629.822.014	691.202.659	9.968.680.989
Thanh lý, nhượng bán	-	(180.485.212)	-	-	-	(180.485.212)
Phân loại lại	(39.013.333)	-	-	-	39.013.333	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	6.273.646.454	16.385.674.124	3.613.541.180	711.360.078	1.507.502.503	28.491.724.339
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	59.036.309.647	9.002.791.395	3.315.625.252	261.144.950	860.010.292	72.475.881.536
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	55.947.875.441	3.775.250.065	2.374.547.829	4.048.408.699	866.380.843	67.012.462.877

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 9.879.022.888 đồng (2009: 1.039.000.000 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm vi tính VNĐ</b>	
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010		504.519.000
Mua trong năm		1.919.308.984
		<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010		2.423.827.984
		<hr/>
<b>Khấu hao lũy kế</b>		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010		122.973.609
Khấu hao trong năm		319.702.440
		<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010		442.676.049
		<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010		381.545.391
		<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010		1.981.151.935
		<hr/> <hr/>
<b>10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN</b>		
	<b>31.12.2010</b>	<b>31.12.2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tại ngày 1 tháng 1	5.546.986.339	7.206.000.000
Tăng trong năm	315.117.954	2.416.477.841
Phân bổ trong năm	(2.567.375.639)	(4.075.491.502)
	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12	3.294.728.654	5.546.986.339
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<b>11 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI</b>		
	<b>31.12.2010</b>	<b>31.12.2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trên 12 tháng	5.250.000.000	5.250.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**11 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI (tiếp theo)**

	<b>31.12.2010 VNĐ</b>	<b>31.12.2009 VNĐ</b>
Số dư đầu năm	5.250.000.000	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	5.250.000.000
Số dư cuối năm	<u>5.250.000.000</u>	<u>5.250.000.000</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ dự phòng giảm giá chứng khoán vốn chưa niêm yết.

**12 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	<b>31.12.2010 VNĐ</b>	<b>31.12.2009 VNĐ</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.245.164.400	1.098.914.400
Tài sản dài hạn khác	-	865.689.484
	<u>1.245.164.400</u>	<u>1.964.603.884</u>

**13 CÁC KHOẢN VAY**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>31.12.2010 VNĐ</b>	<b>31.12.2009 VNĐ</b>
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-	500.000.000.000

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31.12.2010 VNĐ</b>	<b>31.12.2009 VNĐ</b>
Trái phiếu phát hành	<u>2.200.000.000.000</u>	<u>-</u>

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty phát hành 32.000.000 (ba mươi hai triệu) trái phiếu cho các tổ chức tín dụng trong nước với mệnh giá 100.000 đồng/1 trái phiếu, và mức lãi suất dao động từ 11,4%/năm đến 14,3%/năm. Trong năm, có 10.000.000 (mười triệu) trái phiếu được thanh toán trước hạn. Toàn bộ trái phiếu còn lại sẽ đáo hạn vào năm 2012 và 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**
**14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31.12.2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2009</b> <b>VNĐ</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	54.449.316
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	-	32.134.773.494
Thuế thu nhập cá nhân	1.018.904.186	559.668.715
Các loại thuế khác	18.232.108.458	664.844.874
	<u>19.251.012.644</u>	<u>33.413.736.399</u>

**15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31.12.2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2009</b> <b>VNĐ</b>
Lãi trái phiếu phải trả	26.268.333.338	36.284.931.507
Phí giao dịch trả Trung tâm, Sở Giao dịch chứng khoán	2.549.225.906	1.462.902.830
Chi phí hoa hồng đại lý nhận lệnh (Thuyết minh 24(b))	1.165.414.078	3.650.256.064
Chi phí khác	-	1.732.926.395
	<u>29.982.973.322</u>	<u>43.131.016.796</u>

**16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31.12.2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2009</b> <b>VNĐ</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	35.316.590	58.613.499
Doanh thu chưa thực hiện	3.030.303	243.793.001
Phải trả lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	18.801.211.131	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	320.514.003.798	1.752.118.100
	<u>339.353.561.822</u>	<u>2.054.524.600</u>

(\*) Bao gồm trong các khoản phải trả, phải nộp khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là khoản tiền đặt cọc đảm bảo thanh toán của các bên thứ ba cho các giao dịch chứng khoán với Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**
**17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	1.000.000.000.000	9.628.834.404	55.491.607.927	34.869.207.045	1.099.989.649.376
Tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.000.000.000	-	-	-	500.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	317.151.627.864	-	-	317.151.627.864
Phân bổ vào các quỹ	-	(31.715.162.786)	15.857.581.393	15.857.581.393	-
Chuyển lợi nhuận về Ngân hàng mẹ	-	(17.706.305.049)	-	-	(17.706.305.049)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	1.500.000.000.000	277.358.994.433	71.349.189.320	50.726.788.438	1.899.434.972.191
Lợi nhuận trong năm	-	22.266.574.870	-	-	22.266.574.870
Phân bổ vào các quỹ	-	(2.104.133.128)	1.052.066.564	1.052.066.564	-
Chuyển lợi nhuận về Ngân hàng mẹ	-	(297.385.449.161)	-	-	(297.385.449.161)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	1.500.000.000.000	135.987.014	72.401.255.884	51.778.855.002	1.624.316.097.900

**Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chuyển về cho Ngân hàng mẹ sau khi được Hội đồng Thành viên chấp thuận và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý Việt Nam.

**Quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính**

Theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

- Quỹ đầu tư và phát triển: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**18 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Lãi từ thanh lý chứng khoán ngắn hạn	51.962.362.759	32.164.000.000
Lãi từ thanh lý chứng khoán sẵn sàng để bán	2.067.000.000	126.630.000.000
Lãi từ thanh lý đầu tư dài hạn khác	-	75.404.000.000
Lãi từ thực hiện quyền mua cổ phiếu	99.379.732.500	-
Thu nhập cổ tức	165.877.934.212	76.650.000.000
Thu nhập lãi từ đầu tư vào trái phiếu	-	2.335.977.797
	<u>319.287.029.471</u>	<u>313.183.977.797</u>

**19 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	25.755.499.716	27.173.195.966
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.297.948.651	5.424.728.634
Lãi từ hợp đồng "reverse repo"	16.067.875.605	35.698.643.036
Hoa hồng ứng tiền ngày T	1.275.866.252	57.294.081
Doanh thu nội bộ	1.813.576.682	1.873.572.327
Doanh thu khác	26.016.269.803	135.301.720
	<u>77.227.036.709</u>	<u>70.362.735.764</u>

**20 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	20.861.666.249	34.479.609.865
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	81.247.911.401	37.936.516.253
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	6.029.403.937	2.010.514.108
Chi phí/(hoàn nhập) các khoản dự phòng	101.538.932.165	(22.349.494.578)
Chi phí lãi trái phiếu	173.486.179.610	43.879.565.752
Chi phí nhân viên	30.482.480.915	19.409.638.242
Khấu hao tài sản cố định	5.191.937.856	3.849.592.894
Chi phí khác trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	17.577.291.617	16.201.191.171
	<u>436.415.803.750</u>	<u>135.417.133.707</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**
**21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Khấu hao tài sản cố định	5.096.445.573	5.547.909.277
Chi phí nhân viên	14.207.187.143	14.775.268.741
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	170.589.417	754.980.624
Chi phí công cụ, đồ dùng	600.268.510	394.525.583
Thuế, phí, lệ phí	119.877.000	37.424.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.961.206.190	8.594.153.586
Chi phí bằng tiền khác	6.073.760.441	6.423.993.654
	<u>36.229.334.274</u>	<u>36.528.255.465</u>

**22 CHI PHÍ KHÁC - SỐ THUẦN**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi do thanh lý tài sản cố định	500.000	-
Thu nhập khác	128.516.864	230.628.679
	<u>129.016.864</u>	<u>230.628.679</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	30.385.924	34.000.000
Chi phí khác	2.417.763.100	360.800.489
	<u>2.448.149.024</u>	<u>394.800.489</u>
Chi phí khác – Số thuần	<u>(2.319.132.160)</u>	<u>(164.171.810)</u>

**23 THUẾ**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	945.724.346	32.466.584.340
Thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 11)	-	(5.250.000.000)
	<u>945.724.346</u>	<u>27.216.584.340</u>

Khoản thuế trong năm thể hiện thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận chịu thuế ước tính của Công ty và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**23 THUẾ (tiếp theo)**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	23.212.299.216	344.368.212.204
Thuế (theo thuế suất luật định: 25%)	5.803.074.804	68.873.642.441
Điều chỉnh:		
Thuế trên thu nhập không chịu thuế	(41.469.483.553)	(15.329.949.362)
Thuế trên chi phí không được khấu trừ	311.507.347	76.193.098
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.354.901.402	-
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	(1.050.000.000)
Dự phòng thiếu/(thừa) của các năm trước	945.724.346	(8.007.335.984)
Ưu đãi về thuế	-	(17.345.965.853)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	945.724.346	27.216.584.340

(\*) Thu nhập chịu thuế của Công ty sẽ do cơ quan thuế kiểm tra định kỳ và có thể có những điều chỉnh khi quyết toán.

Cơ quan thuế chưa thực hiện quyết toán thuế năm 2009 và năm 2010.

**24 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu ("Ngân hàng mẹ") do sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

**i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
<b>Ngân hàng mẹ</b>		
Doanh thu hoạt động môi giới	382.715.700	521.726.712
Doanh thu kinh doanh chứng khoán (*)	-	13.986.000.000
Doanh thu từ hoạt động tư vấn	431.818.182	180.909.091
Doanh thu từ nghiệp vụ ứng tiền ngày T	1.275.866.252	57.294.081
Lãi tiền gửi ngân hàng	25.416.253.639	31.573.310.797
Thu nhập khác	1.813.576.682	2.453.371.827
	29.320.230.455	48.772.612.508

(\*) Thể hiện khoản tiền nhận từ bán chứng khoán cho Ngân hàng mẹ theo giá gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**24 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

*ii) Mua hàng hóa và dịch vụ*

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Phí hoa hồng đại lý nhận lệnh cho Ngân hàng mẹ	6.647.843.805	17.393.813.456
Phí ủy thác đầu tư trả cho Ngân hàng mẹ	99.727.411	63.882.785
Mua công cụ dụng cụ từ Ngân hàng mẹ	338.254.420	-
Phí khác trả cho Ngân hàng mẹ	35.500.000	-
Phí thanh toán cho các công ty thành viên thuộc Tập đoàn	2.940.475.786	2.117.555.128
	<u>10.061.801.422</u>	<u>19.575.251.369</u>

*iii) Bán tài sản cố định*

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Doanh thu từ bán tài sản cố định cho Ngân hàng mẹ	-	223.811.403
	<u>-</u>	<u>223.811.403</u>

*iv) Mua tài sản cố định*

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Mua tài sản cố định từ Ngân hàng mẹ	725.503.146	-
	<u>725.503.146</u>	<u>-</u>

*v) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt*

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Lương và các quyền lợi gộp khác	3.621.360.290	3.977.483.860
	<u>3.621.360.290</u>	<u>3.977.483.860</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**24 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

*vi) Hoạt động tài chính*

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2010	31.12.2009
	VNĐ	VNĐ
Chuyển lợi nhuận về Ngân hàng mẹ	297.385.449.161	17.706.305.049
Cổ tức nhận từ Công ty con	1.225.243.597	-
Tăng vốn góp từ Ngân hàng mẹ	-	500.000.000.000
Hoàn trả tạm ứng vốn cho Ngân hàng mẹ	-	(100.000.000.000)

*vii) Ủy thác đầu tư chứng khoán*

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2010	31.12.2009
	VNĐ	VNĐ
Tăng ủy thác đầu tư tại Ngân hàng mẹ	225.500.000.000	1.235.789.613

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	31.12.2010	31.12.2009
	VNĐ	VNĐ
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 3)</b>		
Tiền gửi tại Ngân hàng mẹ	118.566.226.798	816.030.098.454
<b>Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 4)</b>		
Đầu tư vào Công ty TNHH Quản lý Quỹ ACB	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>Đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 4)</b>		
Ủy thác đầu tư cho Ngân hàng mẹ	372.499.335.375	146.999.335.375
<b>Chi phí phải trả (Thuyết minh 16)</b>		
Phí hoa hồng đại lý nhận lệnh phải trả cho Ngân hàng mẹ	1.165.414.078	3.650.256.064
<b>Các khoản phải trả khác (Thuyết minh 17)</b>		
Phải trả lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	18.801.211.131	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**25 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	31.12.2010 VNĐ	31.12.2009 VNĐ
Dưới 1 năm	7.219.314.882	4.856.452.479
Từ 1 đến 5 năm	14.184.805.529	12.047.289.683
Trên 5 năm	1.278.262.135	2.617.608.406
	<hr/>	<hr/>
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>22.682.382.546</u>	<u>19.521.350.568</u>

**26 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một vài số liệu so sánh trong các báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại và với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động kinh doanh tại nước CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt 30 tháng 3 năm 2011.



Hứa Chí Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Chung  
Quyền Tổng Giám đốc